TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc.
2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Mai Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2026/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích P, sinh năm 1986; C; địa chỉ: G P, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1988; CCCD 064088010160; địa chỉ: G P, phường D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2026, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Bích P trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Minh T chung sống và kết hôn với nhau năm 2013 tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (cũ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm nhau, chia sẻ, không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn giữa anh, chị đã căng thẳng kéo dài không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.
- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trương Thị Bích P và anh Võ Minh T có 01 con chung là cháu Võ Trương Đăng K, sinh ngày 14/4/2017. Khi ly

hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Võ Trương Đăng K cũng có đơn trình bày nguyện vọng được chung sống với chị Trương Thị Bích P khi bố mẹ ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. *Đối với bị đơn anh Võ Minh T*: Vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trương Thị Bích P và anh Võ Minh T là hợp pháp. Từ khi kết hôn, chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dù đã tìm mọi biện pháp hàn gắn nhưng vẫn không được, tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trương Thị Bích P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Võ Minh T. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị P đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Nguyên đơn chị P và bị đơn anh T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường D, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 .

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Võ Minh T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ Điều 207, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bích P và anh Võ Minh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 03/4/2013. Hôn nhân giữa chị P và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo chị P trình bày là sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm nhau, chia sẻ,

không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn giữa anh, chị đã căng thẳng kéo dài không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Đối với anh Võ Minh T vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi dạy con cái. Nhưng giữa chị P và anh T đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ, được chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận chị P được ly hôn với anh T.

2.2 Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trương Thị Bích P và anh Võ Minh T có 01 con chung là cháu Võ Trương Đăng K, sinh ngày 14/4/2017. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu K cũng có đơn trình bày nguyện vọng được chung sống với chị P khi bố mẹ ly hôn.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị P là chính đáng, phù hợp theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cũng như phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu K nên được chấp nhận.

Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 và Điều 280 ;

Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích P.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bích P được ly hôn với anh Võ Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Trương Đăng K, sinh ngày 14/4/2017 cho chị Trương Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con

được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003282 ngày 08/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**